TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-ST
Ngày: 08-8-2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Lê Văn Phong

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại X;
Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền Phạm Trường Th, sinh năm 1994. Trú tại Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022)

2. Bị đơn: Ông Bùi Thành N, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
*(*Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2020, bản tự khai ngày 02/6/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn anh Phạm Trường Th trình bày:

Ngày 24/8/2011 ông Bùi Thành N có ký với ngân hàng TM X hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng

(lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thể tín dụng ông Năm đã thực hiện các giao dịch với tổ số tiền là 14.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 3.231.078 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 26/02/2012 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 16.687.030 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Sau khi chuyển nợ quá hạn ông N đã thanh toán 661.849 đồng vào tháng 03/2012 và 1.468.228 đồng vào tháng 8/2022 số tiền này ưu tiên trả vào nợ gốc 16.025.181 đồng.

Tính đến ngày 02/6/2023 ông N còn nợ các khoản như sau:

Nợ gốc 14.555.952 đồng

Lãi quá hạn 70.445.837 đồng

Tổng cộng: 85.001.789 đồng.

Nay yêu cầu buộc ông Bùi Thành N phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 02/6/2023 là 85.001.789 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/6/2023 cho đến khi dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn Bùi Thành N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp B, xã P, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ lật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/6/2023 là 85.001.789 đồng (Trong đó: nợ gốc là 14.555.952; lãi quá hạn 70.445.837 đồng) và tính lãi phát sinh từ ngày 03/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo quy định lãi suất tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1 Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa ông Bùi Thành N và Ngân hàng Thương mại cổ phần X; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tóm tắt sao kê của ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với ông Bùi Thành N thì tính đến ngày 02/6/2023 ông N còn nợ như sau:

Ngày 25/8/2011 Giao dịch 14.000.000 đồng, lãi 107.500, phí 899.000, cuối kỳ 15.006.500. Đến ngày 25/02/2020 Đầu kỳ 65.846.238 đồng, lãi 534.037, cuối kỳ 66.380.275.

Đến ngày 02/6/2023 Đầu kỳ 84.876.605 đồng, lãi 125.184, cuối kỳ 85.001.789.

Như vậy, có căn cứ xác định ông Bùi Thành N có ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng và đề nghị cấp thẻ tín dụng với số tiền 15.000.000 đồng. Do ông Bùi Thành N đã được ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng không có thiện chí trả nợ nên ngân hàng khởi kiện là có cơ sở.

2.2 Tính từ ngày khởi kiện 10/7/2020 ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Thành N có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 16.025.181 đồng, lãi quá hạn là 50.355.094 đồng. Tổng cộng là 66.380.275 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, mời các bên đến để hòa giải. Tuy nhiên ông Bùi Thành N không có mặt nên không thể hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập ông N tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng ông Bùi Thành N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là có căn cứ chấp nhận.

2.3 Đối với yêu cầu tính đến ngày 02/6/2023: Do đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và kèm theo bản khai, tóm tắt sao kê tính đến ngày 02/6/2023, số tiền yêu cầu ông Bùi Thành N phải trả là 85.001.789 đồng (Trong đó nợ gốc 14.555.952 đồng, Lãi quá hạn 70.445.837 đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 03/6/2023 cho đến khi dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Tuy nhiên, yêu cầu này vượt với yêu cầu khởi kiện ngày 10/7/2020 và đương sự cũng không có đơn khởi kiện bổ sung nên không được xem xét. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Bùi Thành N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền 66.380.275 đồng tính

đến ngày 25/02/2020 và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/02/2020 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định của hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.
- Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với ông Bùi Thành N.

Buộc ông Bùi Thành N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền là 66.380.275 (Sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc là 16.025.181 đồng, lãi quá hạn là 50.355.094 đồng.

Ngoài ra, ông Bùi Thành N còn phải trả số tiền lãi phát sinh tính trên số tiền gốc còn lại tính từ 26/02/2020 theo hợp đồng tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) cho đến khi tất nợ với ngân hàng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 3.319.000 (Ba triệu ba trăm mười chín nghìn) đồng ông Bùi Thành N có nghĩa vụ nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.659.507 (Một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm lẽ bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0061864 ngày 25/9/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí